

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 753/2023/HC-PT

Ngày: 16/10/2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tuyền;

*Các Thẩm phán:*

Ông Mai Anh Tài;

Ông Nguyễn Phan Nam.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Hương Thùy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** Ông Lê Song Lê  
- Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 67/2023/TLPT-HC ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc “*khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 04/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11519/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Bà Dương Thị Ánh H, sinh năm 1994; địa chỉ: Số D đường N, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:** Luật sư Nguyễn Văn H1 - Công ty L, Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

**Người bị kiện:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

**Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch và UBND huyện T:** Ông Trần Anh T, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện. Vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch và UBND huyện T:* Ông Nguyễn Đức C1 - Giám đốc Ban quản lý dự án; ông Vũ Tiến Q - Phó Giám đốc Ban Q1; ông Nguyễn Hồng S - Cán bộ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Q1. Ông C1, ông S có mặt; ông Q vắng mặt.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Trần Thị P, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Dương Thị Ánh H, sinh năm 1994; địa chỉ: Số D đường N, xã Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Có mặt.

**5. Người kháng cáo:** Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn C thông qua đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Gia đình ông Nguyễn Văn C là chủ sử dụng hợp pháp diện tích đất 766,3m<sup>2</sup> đất (200m<sup>2</sup> đất ở và 566,3m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), thuộc thửa đất số 54<sup>1</sup>, tờ bản đồ 04 địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố L, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSD đất) số BL 809880, số vào sổ: CH 00231/QSDĐ1984/QĐ-UBND ngày 30/11/2012 mang tên ông Nguyễn Văn C. Diện tích đất này gia đình ông C sử dụng ổn định và xây dựng công trình nhà cấp 4 để ở trên đất từ năm 2003, cho đến năm 2007 xây thêm nhà 02 tầng bên cạnh. Cả hai công trình nhà này gia đình vẫn đang sử dụng.

Năm 2021, UBND huyện T thực hiện dự án đường C, qua suối Đ, xã Đ, huyện T với đường H - Đ đến khu D, thị trấn T (sau đây viết tắt là Dự án), theo đó thông báo thu hồi của gia đình ông diện tích đất 86,4m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm là toàn bộ căn nhà cấp 4 gia đình xây dựng từ năm 2003, đồng thời tính toán bồi thường hỗ trợ tài sản trên đất cho gia đình. Nhận thấy việc xác định diện tích 86,4m<sup>2</sup> là căn nhà cấp 4 xây dựng năm 2003 của ông là đất trồng cây lâu năm và đền bù không thỏa đáng, nên ông C không đồng ý với việc thu hồi và bồi thường.

Ngày 10/12/2021, Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 (sau đây viết tắt là Quyết định số 1791) về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn C với lý do không chấp hành Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND huyện T (sau đây viết tắt là Quyết định số 1088) về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phục vụ Dự án.

Việc Chủ tịch UBND huyện T ban hành các Quyết định trên là không đúng quy định và ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông C vì:

Thứ nhất: Xét về diện tích đất thu hồi, hiện trạng là nhà cấp 4, được xây dựng từ năm 2003 và gia đình ông C vẫn đang sử dụng vào mục đích để ở (02 ngôi nhà liền kề nhau, là một phần không thể tách rời với ngôi nhà 02 tầng đang sử dụng - không bị thu hồi đất). Bên cạnh đó, gia đình được nhà nước công nhận 200m<sup>2</sup> đất ở theo GCNQSD đất đã cấp năm 2012, xây dựng công trình nhà ở trên phần diện tích được nhà nước cho phép, thể hiện theo hiện trạng thực tế sử dụng đất là căn nhà xây năm 2003 - nay vẫn đang sử dụng. Do đó, UBND huyện T xác định diện tích đất thu hồi 86,4m<sup>2</sup> này là đất trồng cây lâu năm là không đúng với quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông Nguyễn Văn C.

Thứ hai: Theo quy định tại Điều 74; khoản 1 Điều 75 Luật đất đai 2013 thì khi thu hồi diện tích 86,4m<sup>2</sup> đất ở của gia đình ông C thì Nhà nước phải bồi thường cho gia đình diện tích đất ở tương ứng bởi gia đình có đủ điều kiện quy định tại Điều 75 Luật đất đai 2013.

Thứ ba: Quyết định số 1088 thu hồi 667,3m<sup>2</sup> đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nằm trong Dự án. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích của người khởi kiện, ông xin sửa đổi yêu cầu khởi kiện từ Đề nghị Tòa án án tuyên hủy Quyết định số 1088 thành tuyên hủy một phần Quyết định đối với phần diện tích đất 86,4m<sup>2</sup> của gia đình ông.

Thứ tư: Phương án bồi thường cũng như mức giá thu hồi của UBND huyện T tại thời điểm này là không phù hợp. Bởi Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 25/08/2014 của UBND tỉnh V về việc ban hành quy định thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc cũng như căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh V về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định 35/2014/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đã bị thay thế mới các quyết định khác. Do vậy, đối với phương án bồi thường và mức bồi thường như vậy là không phù hợp, không đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi.

Thứ năm: Ông C là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất nhưng không được tham gia vào quá trình kiểm đếm tài sản, cây cối có trên phần diện tích đất, do vậy không thể đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông C.

Vì vậy, ông Nguyễn Văn C yêu cầu:

Đề nghị Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 1088 đối với phần diện tích đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn C;

Đề nghị Tòa án buộc UBND huyện T phải kiểm đếm lại tài sản đối với phần diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông Nguyễn Văn C và ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành.

Đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định số 1791 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

*Người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện T thông qua đại diện theo ủy quyền trình bày:*

- Việc thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Văn C để thực hiện dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng quy định tại Điều 62 Luật Đất đai 2013; trình tự thủ tục thu hồi đất, lập thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND huyện T thực hiện theo quy định của Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Cụ thể:

Thực hiện Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt Dự án; Văn bản số 8017/UBND-CN1 ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh V về việc chấp thuận hướng tuyến công trình và chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ & tái định cư của UBND các huyện (thành phố) được quy định tại quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V, ngày 12/11/2020 UBND huyện T đã ban hành Thông báo số 275/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án.

Sau khi U Thông báo thu hồi đất thực hiện dự án, Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Q1 (*sau đây viết tắt là Ban quản lý Dự án*) đã phối hợp với UBND thị trấn Q1 tiến hành kiểm đếm diện tích đất thu hồi, tài sản, vật kiến trúc trên diện tích đất thu hồi của các hộ nằm trong chỉ giới thu hồi để thực hiện dự án, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn C. Việc kiểm đếm được tiến hành với sự tham gia của hộ ông Nguyễn Văn C.

Trên cơ sở số liệu kiểm đếm diện tích đất thu hồi, tài sản, vật kiến trúc trên diện tích đất thu hồi, Ban quản lý Dự án huyện Q1 đã phối hợp với UBND thị trấn Q1 kiểm tra xác định nguồn gốc đất, loại đất thu hồi. Sau khi kiểm tra xác định loại đất thu hồi, thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền theo quy định tại Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V ban hành quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ & tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. UBND thị trấn Q1 đã có Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 02/11/2021 gửi UBND huyện về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án, trong đó xác định loại đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn C là đất trồng cây lâu năm đã được cấp GCNQSD đất.

Trên cơ sở kết quả thẩm định và Tờ trình số 934/TTr-TNMT ngày 10/11/2021 của Phòng T2 về việc đề nghị thu hồi đất, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 1088 về việc thu hồi đất thực hiện dự án, trong đó thu hồi diện tích 86,4m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm của hộ ông Nguyễn Văn C để thực hiện Dự án.

Như vậy, việc thực hiện thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn C tại

Quyết định số 1088 đã được UBND huyện T thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai 2013; Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; Điều 24 Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V; Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh V về thẩm quyền thông báo thu hồi đất và ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố ra quyết định thu hồi đất; Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND tỉnh V về việc điều chỉnh nội dung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của UBND tỉnh V.

- Về yêu cầu kiểm đếm lại tài sản đối với phần diện tích bị thu hồi và ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Ngày 28/5/2021, Ban quản lý Dự án phối hợp với UBND thị trấn Q1, Tổ trưởng TDP Lán Than tổ chức kiểm đếm diện tích đất, tài sản, vật kiến trúc, cây cối trên đất nằm trong phạm vi thu hồi thực hiện dự án và có sự xác nhận của bà Trần Thị P (vợ ông Nguyễn Văn C), ông Nguyễn Duy T1 (bố đẻ ông Nguyễn Văn C). Tại thời điểm kiểm đếm bà P có ý kiến ông C không có mặt ở nhà.

Sau khi kiểm đếm, Ban quản lý Dự án đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ & TĐC và ngày 08/10/2021 niêm yết công khai tại UBND thị trấn Q1, nhà văn hóa Tổ dân phố L1 có sự xác nhận của UBND thị trấn Q1, Tổ trưởng Tổ dân phố Lán Than và đại diện một số hộ dân có đất bị thu hồi.

Ngày 21/10/2021, Ban quản lý Dự án đã tổ chức họp kết thúc công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Tại buổi họp Ban quản lý Dự án không nhận được bất cứ ý kiến phản ánh nào của hộ bà Trần Thị P.

Ngày 02/11/2021, UBND thị trấn Q1 có Tờ trình số 199/TTr-UBND về việc thu hồi đất các hộ gia đình, cá nhân. Trong đó có hộ nhà ông Nguyễn Văn C (vợ Trần Thị P).

Trên cơ sở đó, ngày 03/11/2021, Ban quản lý Dự án có Tờ trình số 299/TTr-BQL về việc đề nghị thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và ngày 11/11/2021, UBND huyện T đã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 1089/QĐ-UBND.

Bà Trần Thị P (vợ ông Nguyễn Văn C) theo quy định có đủ tư cách pháp lý phối hợp kiểm đếm, ký xác nhận biên bản kiểm đếm và việc tổ chức kiểm đếm, ban hành Quyết định số 1089/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện T (sau đây viết tắt là Quyết định số 1089) là thực hiện đúng quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013; Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 24 Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V ban hành quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Do đó việc ông Chính đề n Tòa án buộc UBND huyện T phải kiểm đếm lại tài sản đối với phần diện tích đất bị thu hồi và ban

hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là không có cơ sở.

- Về trình tự thủ tục ban hành và thẩm quyền quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định thu hồi đất:

Sau khi UBND huyện T ban hành Quyết định số 1088; Quyết định số 1089, Ban quản lý Dự án đã phối hợp với UBND thị trấn niêm yết công khai và gửi các Quyết định số 1088; Quyết định số 1089 cho hộ ông Nguyễn Văn C.

Ban quản lý Dự án đã có các văn bản thông báo và tiến hành 03 lần chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn C theo phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND huyện phê duyệt, tuy nhiên hộ không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, không chấp hành quyết định thu hồi đất, không bàn giao mặt bằng và đưa ra các nội dung kiến nghị không có cơ sở. Các nội dung kiến nghị của hộ đã được Ban quản lý Dự án và UBND thị trấn Q1 xem xét trả lời trực tiếp tại các buổi làm việc chi trả tiền và trả lời hộ bằng văn bản (Thông báo chi trả tiền số 119/TB-BQLDA ngày 11/11/2021; Thông báo chi trả tiền số 132/TB-BQLDA ngày 12/11/2021; Giấy mời chi trả tiền số 158/GM-BQLDA ngày 13/11/2021; Văn bản số 410/BQLDA ngày 26/11/2021 của Ban quản lý Dự án huyện Q1).

Thực hiện quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69 và điểm a khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai 2013, ngày 18/11/2021, Ban quản lý Dự án đã phối hợp cùng UBND, Ủy ban mặt trận tổ quốc thị trấn Đ tổ chức làm việc tuyên truyền hộ ông Nguyễn Văn C chấp hành quyết định thu hồi đất, nhận tiền bồi thường hỗ trợ và bàn giao mặt bằng tuy nhiên hộ vẫn không chấp hành (có Biên bản làm việc ngày 18/11/2021).

Sau khi tổ chức làm việc tuyên truyền vận động theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T3, UBND thị trấn Q1 đã tổng hợp và có Báo cáo số 408/BC-UBND ngày 10/12/2021 về việc đã tiến hành tuyên truyền vận động nhưng hộ ông Nguyễn Văn C vẫn không chấp hành Quyết định thu hồi đất, bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án.

Trên cơ sở Báo cáo kết quả tuyên truyền, vận động của UBND thị trấn Q1, đề xuất của Ban quản lý Dự án tại Văn bản số 421/BQLDA ngày 10/12/2021 về việc đề nghị ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất và Báo cáo kết quả rà soát số 41/TP ngày 09/12/2021 của Phòng Tư pháp (Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014; điểm d khoản 3 Điều 69 và khoản 3 Điều 71 Luật đất đai 2013), Phòng T2 huyện đã thẩm định và trình Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1791 về việc cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án đối với hộ ông Nguyễn Văn C.

Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69; khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai 2013 và Điều 7 Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND

tỉnh V thì việc ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn C thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện T.

Từ những nội dung đã trình bày trên, UBND huyện T khẳng định toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có cơ sở pháp lý để xem xét giải quyết.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị P thông qua đại diện theo ủy quyền trình bày: Nhất trí với quan điểm và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và không có ý kiến, đề nghị gì.*

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 04/10/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:*

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu:

- Hủy một phần Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND huyện T về việc thu hồi phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng công trình đường C, qua suối Đ, xã Đ, huyện T với đường H - Đ đến khu D, thị trấn T đối với diện tích đất 86,4m<sup>2</sup> nằm trong phần thu hồi của gia đình ông Nguyễn Văn C.

- Hủy Quyết định số 1791/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Buộc UBND huyện T phải kiểm đếm lại tài sản đối với phần diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông Nguyễn Văn C và ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/10/2022, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo; các đương sự giữ nguyên quan điểm đã trình bày và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và xác định bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1088 của UBND huyện T về việc thu hồi đất; Quyết định số 1791 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất là các Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai bị kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đồng thời xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 1089 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật tố tụng hành chính.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị P vắng mặt nhưng có mặt đại diện theo ủy quyền; người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

[2.1]. Về tính hợp pháp của Quyết định số 1088; Quyết định số 1089 của UBND huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc:

- Về thẩm quyền ban hành:

UBND huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 1088 về việc thu hồi đất; Quyết định số 1089 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai 2013; Điều 28; Điều 56 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ; Điều 24 Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V; Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh V về thẩm quyền thông báo thu hồi đất và ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố ra quyết định thu hồi đất; Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 03/12/2014 của UBND tỉnh V về việc điều chỉnh nội dung khoản 1 Điều 1 Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 của UBND tỉnh V.

- Về trình tự, thủ tục ban hành:

Thực hiện Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt Dự án, ngày 12/11/2020, UBND huyện T đã ban hành

Thông báo số 275/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện GPMB dự án.

Sau khi U Thông báo thu hồi đất, Ban quản lý Dự án huyện Q1 đã phối hợp với UBND thị trấn Q1 tiến hành kiểm đếm diện tích đất thu hồi, tài sản, vật kiến trúc trên diện tích đất thu hồi của các hộ nằm trong chỉ giới thu hồi để thực hiện dự án, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn C. Việc kiểm đếm được tiến hành với sự tham gia của hộ ông Nguyễn Văn C, có vợ của ông chính là bà Trần Thị P và bố đẻ của ông C là ông Nguyễn Duy T1, không có mặt ông Nguyễn Văn C do ông C đang phải chấp hành án phạt tù tại bản án số 55/2020/HS-ST ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, ngày 02/11/2021 ông Nguyễn Văn C chấp hành xong án phạt tù.

Trên cơ sở số liệu kiểm đếm diện tích đất thu hồi, tài sản, vật kiến trúc trên diện tích đất thu hồi, Ban quản lý Dự án đã phối hợp với UBND thị trấn Q1 kiểm tra xác định nguồn gốc đất, loại đất thu hồi. UBND thị trấn Q1 đã có Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 02/8/2021 gửi UBND huyện về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án.

Trên cơ sở kết quả thẩm định và Tờ trình số 811/TTr-TNMT ngày 25/8/2021 của Phòng T2 đề nghị thu hồi đất; Tờ trình số 299/TTr-BQL ngày 03/11/2021 về việc đề nghị thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ của Ban quản lý Dự án, cùng ngày 11/11/2021, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 1088 về việc thu hồi đất thực hiện dự án, trong đó thu hồi đất diện tích 86,4m<sup>2</sup> (*đất trồng cây lâu năm có giấy chứng nhận QSD đất*) của hộ ông Nguyễn Văn C để thực hiện Dự án đồng thời ban hành Quyết định số 1089 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Văn C.

Như vậy, UBND huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quyết định số 1088; Quyết định số 1089 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 16; Điều 62; Điều 63; Điều 66; Điều 67; Điều 69 và Điều 75 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

- Về nội dung Quyết định số 1088, Quyết định số 1089:

Căn cứ Thông báo số 275/TB-UBND ngày 12/11/2020 về việc thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng dự án của UBND huyện T, Ban quản lý Dự án đã phối hợp với UBND thị trấn Q1 tiến hành kiểm đếm diện tích đất thu hồi, tài sản, vật kiến trúc trên diện tích đất thu hồi của các hộ nằm trong chỉ giới thu hồi để thực hiện dự án, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn C.

Tại thời điểm kiểm đếm tài sản, ông C đang chấp hành án hình phạt tù tại Trại giam nhưng có sự tham gia của vợ ông C là bà Trần Thị P và bố đẻ của ông C là ông Nguyễn Duy T1. Ông T1, bà P tham gia kiểm đếm và không có ý kiến gì về việc kiểm đếm.

Sau khi kiểm đếm, Ban quản lý Dự án đã lập phương án bồi thường, hỗ

trợ & TĐC và ngày 08/10/2021 niêm yết công khai tại UBND thị trấn Q1, nhà văn hóa Tổ dân phố L1 có sự xác nhận của UBND thị trấn Q1, Tổ trưởng Tổ dân phố Lán Than và đại diện một số hộ dân có đất bị thu hồi.

Ngày 21/10/2021, Ban quản lý Dự án đã tổ chức họp kết thúc công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Tại buổi họp Ban quản lý Dự án không nhận được bất cứ ý kiến phản ánh nào của hộ bà Trần Thị P.

Ngày 02/11/2021, UBND thị trấn Q1 có Tờ trình số 199/TTr-UBND về việc thu hồi đất các hộ gia đình, cá nhân. Trong đó có hộ nhà ông Nguyễn Văn C (vợ Trần Thị P).

Trên cơ sở đó, ngày 03/11/2021, Ban quản lý Dự án có Tờ trình số 299/TTr-BQL về việc đề nghị thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và ngày 11/11/2021, UBND huyện T đã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 1089.

Sau khi ông C chấp hành án xong trở về địa phương, ông C đã được Ban Quản lý Dự án mời đến để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tuyên truyền, vận động thực hiện các quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng, ông C không có ý kiến gì về việc kiểm đếm tài sản mà chỉ đề nghị được cấp đất tái định cư khi thu hồi đất.

Thửa đất mà hộ ông Nguyễn Văn C đang sử dụng có tổng diện tích là  $766,3m^2$  (bao gồm:  $200m^2$  đất ở và  $566,3m^2$  đất vườn đã được cấp GCNQSD đất). Để triển khai thực hiện dự án, UBND huyện T đã thu hồi diện tích đất  $86,4m^2/766,3m^2$  của hộ ông C đang sử dụng. Theo xác nhận của UBND thị trấn Q1 thì diện tích đất thu hồi  $86,4m^2$  (đất trồng cây lâu năm) đã được cấp GCNQSD đất (Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 02/11/2021 và Báo cáo số 322/BC-UBND ngày 27/10/2021). UBND huyện T đã ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường và tái định cư đối với diện tích đất thu hồi của hộ ông C đảm bảo đúng đơn giá theo quy định tại Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V ban hành quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UBND tỉnh V về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của bản Quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đơn giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc ban hành kèm theo Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V và Quyết định số 62/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh V về việc ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2019 - 2024.

Xét về nguyên tắc bồi thường về đất quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013 thì: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”*.

Tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở như sau:

*“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau:*

*a) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư;*

*b) Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở”.*

Như vậy, hộ ông C sau khi bị thu hồi đất, diện tích đất còn lại sau thu hồi vẫn đủ điều kiện để ở, trên thực tế, diện tích đất còn lại của hộ gia đình ông C vẫn còn căn nhà 02 tầng, hạn mức 200m<sup>2</sup> đất ở vẫn đảm bảo đối với hộ gia đình ông C (diện tích còn lại là 679,9m<sup>2</sup>, trong đó: 200m<sup>2</sup> đất ở, 479,9m<sup>2</sup> đất vườn). Diện tích đất bị thu hồi không dùng để ở nên UBND thị trấn Q1 và Ban quản lý Dự án đã xác định diện tích đất bị thu hồi là đất trồng cây lâu năm sẽ làm diện tích đất ở (đất thổ cư) trong GCNQSD đất không bị giảm trừ sau khi thu hồi và không làm ảnh hưởng đến tính hợp pháp của các công trình xây dựng còn lại trên phần đất không bị thu hồi. UBND huyện T không có quỹ đất để bồi thường bằng đất ở cho các hộ có đất bị thu hồi, do vậy, UBND Tam Đảo quyết định bồi thường, hỗ trợ bằng tiền đối với diện tích đất thu hồi của hộ ông C là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, HĐXX thấy việc tổ chức kiểm đếm, ban hành Quyết định số 1088 về việc thu hồi đất, Quyết định số 1089 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện T đã thực hiện đúng quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013; Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Điều 24 Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh V ban hành quy định chi tiết một số điều về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Do vậy, đối chiếu với các quy định trên, yêu cầu khởi kiện của ông C về việc buộc UBND huyện T phải kiểm đếm lại tài sản đối với phần diện tích đất thu hồi và Ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định hiện hành là không có cơ sở pháp lý để xem xét giải

quyết.

[2.2]. Về tính hợp pháp của Quyết định số 1791 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất:

Sau khi UBND huyện T ban hành Quyết định số 1088 về việc thu hồi đất, cùng ngày 11/11/2021, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1089 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 7). Theo đó, hộ ông C được bồi thường về đất vườn ao liên kề và hỗ trợ bồi thường với tổng số tiền là 75.327.598 đồng; đối với tài sản, vật kiến trúc, cây cối gắn liền với đất được bồi thường 100.556.398 đồng.

Ban quản lý Dự án đã có các văn bản thông báo và tiến hành 03 lần chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Văn C theo phương án bồi thường, hỗ trợ được UBND huyện phê duyệt (*Thông báo chi trả tiền số 119/TB-BQLDA ngày 11/11/2021; Thông báo chi trả tiền số 132/TB-BQLDA ngày 12/11/2021; Giấy mời chi trả tiền số 158/GM-BQLDA ngày 13/11/2021; Giấy mời về việc tuyên truyền, vận động số 159/GM-BQLDA ngày 16/11/2021; Văn bản số 410/BQLDA ngày 26/11/2021*), nhưng hộ ông C không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, không chấp hành quyết định thu hồi đất, không bàn giao mặt bằng.

Ngày 18/11/2021, Ban quản lý Dự án đã phối hợp cùng UBND, Ủy ban mặt trận Tổ Quốc thị trấn Q1 tổ chức làm việc tuyên truyền hộ ông Nguyễn Văn C chấp hành quyết định thu hồi đất, nhận tiền bồi thường hỗ trợ và bàn giao mặt bằng nhưng hộ vẫn không chấp hành.

Ngày 10/12/2021, Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định số 1791 về việc cưỡng chế thu hồi đất thực hiện dự án đối với hộ ông Nguyễn Văn C.

Căn cứ quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69, khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai 2013 và Điều 7 Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh V về việc Ban hành quy định về việc thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan trong công tác kiểm đếm bắt buộc, cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, xác định việc Chủ tịch UBND huyện T ban hành quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Nguyễn Văn C là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 349 Luật tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ đi số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0006912 cùng ngày 25/10/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc. Xác nhận ông Nguyễn Văn C đã thi hành xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Văn Tuyền**